

Số: 85 /2025/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 07 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2930/TTr-SGDĐT ngày 06 tháng 10 năm 2025 và Công văn số 3255/SGDĐT-TC&ĐTGD ngày 31/10/2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; các cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, thực hiện và quản lý dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập

1. Định mức lao động

- a) Định mức lao động đối với giáo dục mầm non (*Chi tiết Phụ lục I-A*).
- b) Định mức lao động đối với giáo dục tiểu học (*Chi tiết Phụ lục I-B*).
- c) Định mức lao động đối với giáo dục trung học cơ sở (*Chi tiết Phụ lục I-C*).
- d) Định mức lao động đối với giáo dục trung học phổ thông (*Chi tiết Phụ lục I-D*).

đ) Định mức lao động đối với giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (*Chi tiết Phụ lục I-Đ*).

2. Định mức thiết bị, vật tư

- a) Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục mầm non (*Chi tiết Phụ lục II-A*).
- b) Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục tiểu học (*Chi tiết Phụ lục II-B*).
- c) Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục trung học cơ sở (*Chi tiết Phụ lục II-C*).

d) Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục trung học phổ thông (*Chi tiết Phụ lục II-D*).

đ) Định mức thiết bị, vật tư đối với giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (*Chi tiết Phụ lục II-Đ*).

3. Định mức cơ sở vật chất

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Quyết định này là căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xây dựng, phê duyệt đơn giá, giá dịch vụ giáo dục và đào tạo; Lập, phê duyệt dự toán kinh phí cung cấp dịch vụ giáo dục và đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước; Là cơ sở để thực hiện quản lý kinh tế trong hoạt động giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập đảm bảo chi thường xuyên hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Quyết định này để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định, phê duyệt theo quy định.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

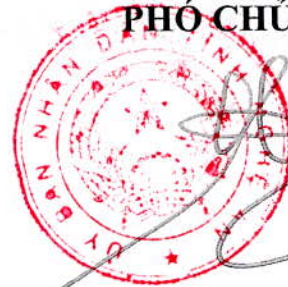
Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2025.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch UBND các phường, xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Bộ GDĐT (Cục Cơ sở vật chất);
- Bộ Tài chính (b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- VP đoàn ĐBQH tỉnh và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, P).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Phú Hiền

